TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-08-2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Viết Xuân
Ông Trần Hoài Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc: Ly hôn. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985
Địa chỉ: Khu 8, xã V, TP T, tỉnh P (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bầy: Tôi và anh Đ kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký vào ngày 24/12/2008 tại UBND xã V, TP T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và chúng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Đ.

* Về con chung: Có 01 cháu Nguyễn Vũ Kim A sinh ngày 26/11/2009. Khi ly hôn tôi nhận nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu anh Đ tại Thôn 2, xã Đ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Những lần Tòa án gửi các giấy tờ cho anh Đ, anh Đ đã nhận trực tiếp các giấy tờ của Tòa án báo gọi nhưng anh Đ cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tiến Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã V, TP T, tỉnh P vào ngày 24 tháng 12 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Chị L cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và chúng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị L xin ly hôn anh Đ là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bầy của đương sự. Đã xác định chị L và anh Đ đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2010 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị L được ly hôn anh Đ là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu: Nguyễn Vũ Kim A sinh ngày 26/11/2009.. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu A đang ở cùng chị L. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu A được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của cháu. Do vậy cần giao cháu A cho chị L nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Nguyễn Vũ Kim A sinh ngày 26/11/2009 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tiến Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2013/04865 ngày 06/7/2018 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã V, TP T, tỉnh P.
- Lưu HS-TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng